

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2026	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9 - 10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần YBM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần YBM là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và 04 lần được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 4 năm 2026 do thay đổi tên công ty.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Điện thoại : 0216 351 1222

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2026
Bà Hoàng Thị Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2026
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	
Ông Hoàng Minh Hiếu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hà Văn Hùng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Don	Thành viên	
Ông Lê Đình Chính	Thành viên	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Thái	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2026
Ông Phan Thế Tùng	Phó Giám đốc	
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Ông Đào Minh Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

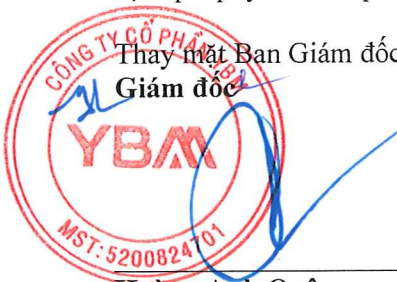
Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc



Hoàng Anh Quân

Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		393,706,680,629	393,979,124,920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,888,256,859	18,605,042,472
1. Tiền	111		23,888,256,859	18,605,042,472
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,198,579,578	2,071,842,666
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2b	12,198,579,578	2,071,842,666
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2b	-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125	V.2b	-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126	V.2b	-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244,826,278,731	234,177,838,395
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	156,816,424,354	206,378,532,511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	36,466,317,949	22,073,078,278
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5a	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.6	-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.7a	53,861,263,010	8,043,954,188
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.8	(2,317,726,582)	(2,317,726,582)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.9	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		102,028,941,201	104,073,895,312
1. Hàng tồn kho	141	V.10	102,028,941,201	104,073,895,312
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.10	-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.11a	-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152	V.11a	-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153	V.11a	-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		10,764,624,260	35,050,506,075
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.12a	2,928,315,492	3,523,802,402
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		7,778,619,187	31,457,090,323
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.27	57,689,581	69,613,350
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	V.13	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.14a	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		334,021,213,938	320,038,508,077
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.15	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.5b	-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.7b	-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	V.8	-	-
II. Tài sản cố định	220		299,227,404,199	295,857,640,466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.16	216,194,230,188	201,939,089,413
- Nguyên giá	222		359,110,839,438	319,812,796,926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142,916,609,250)	(117,873,707,513)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.17	75,523,510,698	93,622,948,906
- Nguyên giá	225		120,395,002,152	136,432,358,848
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44,871,491,454)	(42,809,409,942)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.18	7,509,663,313	295,602,147
- Nguyên giá	228		7,779,100,000	440,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269,436,687)	(144,897,853)
III Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232	V.11b	-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233	V.11c	-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236	V.11b	-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237	V.11b	-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238	V.11b	-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.19	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		142,630,000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	V.20	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.21	142,630,000	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		21,750,000,000	12,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2c	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2c	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	21,750,000,000	12,000,000,000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2c	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2b	-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266	V.2b	-	-
VII Tài sản dài hạn khác	270		12,901,179,739	12,180,867,611
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.12b	12,901,179,739	12,180,867,611
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.22	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	V.23	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274	V.14b	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		727,727,894,567	714,017,632,997

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		328,918,756,001	498,304,090,880
I. Nợ ngắn hạn	310		296,594,732,998	378,907,788,514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.24a, c	60,865,279,917	102,606,244,752
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.25a	1,965,647,738	2,213,229,105
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.26	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.27	8,040,251,283	6,124,433,419
5. Phải trả người lao động	315	V.28a	3,045,918,500	7,004,137,342
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.29a	8,036,444,068	1,085,193,890
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317	V.30a	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318	V.31	-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.32a, c	-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.33a, c	102,374,104	73,535,316
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.34a, c	214,538,817,388	259,801,014,690
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.35a	-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.36	-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324	V.37	-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325	V.38	-	-
II. Nợ dài hạn	330		32,324,023,003	119,396,302,366
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.24b, c	-	24,456,866,928
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.25b	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333	V.27	-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.29b	-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335	V.30b	-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336	V.30c	-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.32b, c	-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.33b, c	-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.34b, c	32,324,023,003	94,939,435,438
10. Trái phiếu chuyển đổi	340	V.39	-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341	V.40	-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.41	-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.35b	-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	V.42	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398,809,138,566	215,713,542,117
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.43	321,745,250,000	178,746,450,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321,745,250,000	178,746,450,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.43	(201,100,000)	(127,500,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.39, 43	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.43	-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	V.43	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.43	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.43	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.43	8,416,238,169	8,416,238,169
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.43	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.43	59,735,535,792	28,678,353,948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		28,678,353,948	28,678,353,948
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		31,057,181,844	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		727,727,894,567	714,017,632,997

Nguyễn Thị Lan Anh
Người lập biểuĐào Minh Hải
Kế toán trưởng

Phe duyệt, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Hoàng Anh Quân
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	209,633,989,617	234,462,555,469	705,200,211,684	631,032,529,220
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	240,063,300	212,199,000	811,964,926	1,115,273,920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		209,393,926,317	234,250,356,469	704,388,246,758	629,917,255,300
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	150,391,162,829	147,547,764,789	499,789,830,734	396,399,392,641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59,002,763,488	86,702,591,680	204,598,416,024	233,517,862,659
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	VI.4			-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	2,431,501,946	1,921,080,146	6,264,237,928	5,264,194,020
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	4,059,710,102	5,693,230,009	14,454,751,420	17,108,881,766
Trong đó: chi phí đi vay	24		3,606,440,897	4,743,362,280	11,982,751,340	14,976,860,316
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	36,807,077,609	69,362,760,495	144,666,918,191	186,683,516,190
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	3,320,928,127	3,250,325,439	11,828,084,183	10,058,217,548
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27				-	-
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,246,549,596	10,317,355,883	39,912,900,158	24,931,441,175
12. Thu nhập khác	31	VI.9	240,734,769	29,234,068,702	252,954,158	29,358,997,318
13. Chi phí khác	32	VI.10	349,244,312	30,626,460,762	794,612,365	30,868,817,068
14. Lợi nhuận khác	40		(108,509,543)	(1,392,392,060)	(541,658,207)	(1,509,819,750)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17,138,040,053	8,924,963,823	39,371,241,951	23,421,621,425
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.27	3,495,524,645	1,797,441,972	7,941,845,502	4,797,943,270
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11			-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13,642,515,408</u>	<u>7,127,521,851</u>	<u>31,429,396,449</u>	<u>18,623,678,155</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61				<u>31,057,181,844</u>	<u>18,623,678,155</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				<u>372,214,605</u>	<u>-</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12a, c			<u>1,247</u>	<u>1,302</u>
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12b, c			<u>1,247</u>	<u>1,302</u>

Nguyễn Thị Lan Anh
Người lập biểu

Đào Minh Hải
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Hoàng Anh Quân
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38,999,027,346	23,421,621,425
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		27,229,522,083	25,355,173,933
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(22,251,573)	-
- Chi phí đi vay	06		11,982,751,340	14,976,860,316
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78,189,049,196	63,753,655,674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13,041,954,569	(40,459,904,160)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,044,954,111	3,133,487,591
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53,813,676,741)	46,085,275,859
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(124,825,218)	(4,548,287,401)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(12,258,296,371)	(15,082,277,602)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,247,134,267)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20,832,025,279	52,881,949,961
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30,741,915,816)	(27,524,407,626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2,094,219,178)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(10,126,736,912)	(12,000,000,000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24,989,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15,239,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,251,573	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50,596,401,155)	(41,618,626,804)

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

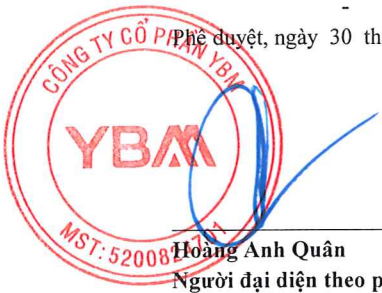
Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		142,925,200,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	455,311,601,828	545,153,193,517
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(563,189,211,565)	(528,932,650,139)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(9,199,274,643)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35,047,590,263	7,021,268,735
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,283,214,387	18,284,591,892
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18,605,042,472	5,375,147,510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23,888,256,859	23,659,739,402

Phê duyệt, ngày 30 tháng 10 năm 2026


Nguyễn Thị Lan Anh
Người lập biểu
Đào Minh Hải
Kế toán trưởng
Hoàng Anh Quân
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần YBM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bột đá CaCO_3

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có 230 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 241 nhân viên).

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm công ty

Thành lập công ty con

Thực hiện Nghị quyết số 2609/NQ-HDQT ngày 02/06/2026 của Hội đồng quản trị, Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần YBT (“YBT”) với số vốn góp 8.239.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ của YBT. Ngày 05 tháng 06 năm 2026, Công ty Cổ phần YBT đã được Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2902278617, với vốn điều lệ 14.980.000.000 VND.

6b. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xăng dầu Petronova	Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu	80%	80%	80%	80%
Công ty Cổ phần YBT	Na Chán, bản Lộc Tiến, Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Bán buôn tổng hợp	55%	55%	55%	55%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Nhóm công ty vay vốn để đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Nhóm công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khách hàng vẫn đang tiếp tục giao dịch với Nhóm công ty: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Nhóm công ty như sau:

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 3 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 96 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 10
Tài sản cố định khác	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (“VAS 16”). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Nhóm công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Nhóm công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty chỉ bao gồm phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa vào phần mềm sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phân chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phân chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Nhóm công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm:

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Nhóm công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Nhóm công ty (bao gồm Ban Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.214.990.853	173.212.639
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.673.266.006	18.431.829.833
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I	15.094.254.438	14.587.220.467
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	5.868.278.162	2.622.793.939
Các ngân hàng khác	1.710.733.406	1.221.815.427
Cộng	23.888.256.859	18.605.042.472

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21.750.000.000	21.750.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tin	21.750.000.000	21.750.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Cộng	21.750.000.000	21.750.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>45.403.207.030</i>	<i>-</i>	<i>79.632.017.790</i>	
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	1.724.147.140	-	1.798.642.900	
Công ty Cổ phần Polyfill	5.642.083.310	-	9.380.786.010	
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	1.809.000.000	-	-	
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	9.756.789.790	-	8.378.616.950	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	-	-	26.372.500	
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái	26.471.186.790	-	60.047.599.430	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>111.413.217.324</i>	<i>-</i>	<i>126.772.887.221</i>	
Cộng	156.816.424.354		206.378.532.511	

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>23.362.083.948</i>	<i>17.392.879.005</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan	17.423.201.700	17.392.879.005
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	5.938.882.248	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>13.104.234.001</i>	<i>4.680.199.273</i>
Cộng	36.466.317.949	22.073.078.278

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	4.232.771.695	445.942.357
---	---------------	-------------

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>37.500.000.000</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	37.500.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16.361.263.010</i>	<i>-</i>	<i>8.043.954.188</i>	<i>-</i>
Các khoản ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	248.037.600	-
Thuế GTGT thuế tài chính	2.413.988.424	-	3.769.938.626	-
Phải thu cước vận chuyển	927.274.586	-	4.025.977.962	-
Phải thu chi phí phục vụ dự án	13.000.000.000	-	-	-
Cộng	53.861.263.010	-	8.043.954.188	-

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	(1070.540.942)	1.070.540.942	(1070.540.942)
Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	(982.514.540)	982.514.540	(982.514.540)
Các tổ chức và các cá nhân khác	264.671.100	(264.671.100)	264.671.100	(264.671.100)
Cộng	2.317.726.582	(2.317.726.582)	2.317.726.582	(2.317.726.582)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.317.726.582	2.317.726.582
Số cuối kỳ	2.317.726.582	2.317.726.582

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.910.356.297	-	83.772.954.677	-
Công cụ, dụng cụ	11.850.354.746	-	7.581.628.668	-
Thành phẩm	2.366.805.284	-	2.581.237.511	-
Hàng hóa	1.901.424.874	-	4.626.989.660	-
Hàng gửi đi bán	-	-	5.511.084.796	-
Cộng	102.028.941.201	-	104.073.895.312	-

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.090.196.408	3.188.670.606
Chi phí sửa chữa	416.294.563	169.477.069
Chi phí bảo hiểm	94.174.740	43.357.108
Chi phí khác	327.649.781	122.297.619
Cộng	2.928.315.492	3.523.802.402

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.862.186.257	445.458.282
Chi phí san lấp mặt bằng	7.068.199.776	7.204.331.301
Chi phí sửa chữa	3.861.037.188	4.374.703.153
Các chi phí khác	109.756.518	156.374.875
Cộng	12.901.179.739	12.180.867.611

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	100.494.596.669	191.233.993.701	20.740.678.006	1.668.392.303	5.675.136.247	319.812.796.926
Mua trong kỳ	5.341.207.335	7.966.883.416	2.326.660.923	142.897.347	277.650.000	16.055.299.021
Tăng khác (chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang)	-	23.242.743.491	-	-	-	23.242.743.491
Số cuối kỳ	105.835.804.004	222.443.620.608	23.067.338.929	1.811.289.650	5.952.786.247	359.110.839.438
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.691.737.559	8.529.950.425	2.682.429.987	774.351.728	540.522.000	15.218.991.699
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	31.822.649.843	71.297.057.288	12.397.623.192	1.032.521.823	1.323.855.367	117.873.707.513
Khấu hao trong kỳ	5.527.605.580	12.248.585.843	1.642.875.066	222.713.456	644.695.415	20.286.475.360
Tăng khác (chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang)	-	4.756.426.377	-	-	-	4.756.426.377
Số cuối kỳ	37.350.255.423	88.302.069.508	14.040.498.258	1.255.235.279	1.968.550.782	142.916.609.250
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	68.671.946.826	119.936.936.413	8.343.054.814	635.870.480	4.351.280.880	201.939.089.413
Số cuối kỳ	68.485.548.581	134.141.551.100	9.026.840.671	556.054.371	3.984.235.465	216.194.230.188
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy nghiền thủy lực số 5	30.986.920.207	(5.630.956.477)	25.355.963.730
Nhà máy 4	26.393.314.031	(8.269.905.025)	18.123.409.006
Máy nghiền thủy lực số 6 Vsunny	32.509.627.929	(5.126.966.410)	27.382.661.519
Tài sản cố định hữu hình khác	269.220.977.271	(123.888.781.338)	145.332.195.933
Cộng	359.110.839.438	(142.916.609.250)	216.194.230.188

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	127.633.497.030	8.798.861.818	136.432.358.848
Thuê tài chính trong năm/kỳ	7.205.386.795	-	7.205.386.795
Giảm khác (Chuyển sang TSCĐ hữu hình)	(23.242.743.491)	-	(23.242.743.491)
Số cuối kỳ	111.596.140.334	8.798.861.818	120.395.002.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	39.780.645.959	3.028.763.983	42.809.409.942
Khấu hao trong kỳ	5.926.377.048	892.130.841	6.818.507.889
Giảm khác (Chuyển sang TSCĐ hữu hình)	(4.756.426.377)	-	(4.756.426.377)
Số cuối kỳ	40.950.596.630	3.920.894.824	44.871.491.454
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	87.852.851.071	5.770.097.835	93.622.948.906
Số cuối kỳ	70.645.543.704	4.877.966.994	75.523.510.698

Danh mục tài sản cố định thuê tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy thủy lực Hongcheng NM3	20.299.363.818	(11.051.875.819)	9.247.487.999
Máy thủy lực SBM NM3	19.674.192.950	(10.711.505.057)	8.962.687.893
Máy nghiền 1398	16.661.207.270	(8.700.852.720)	7.960.354.550
Máy nghiền RFLM1700 01	29.097.152.519	(5.981.081.339)	23.116.071.180
Máy tráng phủ 04+05+06	11.342.539.782	(1.362.934.218)	9.979.605.564
Tài sản cố định hữu hình khác	23.320.545.813	(7.063.242.301)	16.257.303.512
Cộng	120.395.002.152	(44.871.491.454)	75.523.510.698

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		440.500.000	440.500.000
Mua trong kỳ	7.041.000.000	297.600.000	7.338.600.000
Số cuối kỳ	7.041.000.000	738.100.000	7.779.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm		144.897.853	144.897.853
Khấu hao trong kỳ	39.444.164	85.094.670	124.538.834
Số cuối kỳ	39.444.164	229.992.523	269.436.687

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	295.602.147	295.602.147
Số cuối kỳ	7.001.555.836	508.107.477	7.509.663.313

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm Quản lý nguồn lực DN (ERP)	370.000.000	(129.897.856)	240.102.144
Phần mềm Vi tính	297.600.000	(29.594.667)	268.005.333
Quyền sử dụng đất CHXD Thịnh Phát	7.041.000.000	(39.444.164)	7.001.555.836
Các tài sản cố định vô hình khác	70.500.000	(70.500.000)	-
Cộng	7.779.100.000	(269.436.687)	7.509.663.313

12. Phải trả người bán**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	22.930.499.401	24.722.230.534
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	985.970.323	836.497.166
Công ty Cổ phần Polyfill	9.788.707.120	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	6.615.421.958	18.528.510
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái	5.540.400.000	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	-	962.871.694
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	-	22.904.333.164
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.934.780.516	77.884.014.218
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đá Trắng Tây Bắc	-	7.018.215.470
Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	5.304.318.731	4.831.627.087
Công ty TNHH Bao bì Việt Bắc	3.621.904.361	13.195.669.348
Công ty Cổ phần HCP Logistic	1.610.347.840	2.884.685.000
Vsunny Science & Technology Holdings (HK) Limited	4.891.071.500	4.987.890.700
Các nhà cung cấp khác	22.507.138.084	44.965.926.613
Cộng	60.865.279.917	102.606.244.752
Trong đó:		
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	6.996.090.510	7.113.325.198

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	24.456.866.928
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	-	18.693.682.436
Công ty Cổ phần Polyfill	-	2.301.303.192
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	-	3.461.881.300
Cộng	-	24.456.866.928

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.970.551.135	(3.970.551.135)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	42.453.510	10.644.088.048	(10.659.324.119)	-	57.689.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.064.966.552	-	8.124.013.217	(6.247.134.267)	7.941.845.502	-
Thuế thu nhập cá nhân	59.466.867	-	286.379.952	(288.441.038)	57.405.781	-
Tiền thuê đất	-	27.159.840	126.872.346	(99.712.506)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	63.500.000	(22.500.000)	41.000.000	-
Cộng	6.124.433.419	69.613.350	23.215.404.698	(21.287.663.065)	8.040.251.283	57.689.581

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 8% và 10%, hàng hoá xăng dầu không chịu thuế.

Thuế xuất, nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Nhóm Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
Khu công nghiệp Phía Nam, Phường Văn Phú, Lào Cai	7.359,5 m ²	2.250 VND/m ²
Khu công nghiệp Phía Nam, Phường Văn Phú, Lào Cai	32.877,3 m ²	2.250 VND/m ²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	221.807.041	497.352.072
Trích trước chi phí làm hàng xuất khẩu	1.942.524.230	587.841.818
Tiền điện trích trước	1.676.886.400	-
Trích tiền lương thưởng	4.195.226.397	-
Cộng	8.036.444.068	1.085.193.890

15. Vay và nợ thuê tài chính**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	8.250.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần YBM	8.250.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	189.808.521.344	259.801.014.690
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank	80.495.376.856	171.467.706.508
Vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV	109.313.144.488	88.333.308.182
Vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	16.100.296.044	-
Hồ Nhật Lệ	380.000.000	-
Cộng	214.538.817.388	259.801.014.690

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	14.948.437.759	41.181.858.658
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Vietinbank	14.948.437.759	41.181.858.658
<i>Vay dài hạn các cá nhân</i>	2.000.000.000	12.150.000.000
Đặng Thị Minh Trang	-	5.000.000.000
Hồ Nhật Lệ	2.000.000.000	6.150.000.000
Bùi Hai Võ	-	1.000.000.000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.375.585.244	41.607.576.780
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.375.585.244	41.607.576.780
Cộng	32.324.023.003	94.939.435.438

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000		8.416.238.169	35.819.722.918	-	187.234.761.087
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	35.747.650.000	-	-	(35.747.650.000)	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(127.500.000)	-	-	-	(127.500.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	28.606.281.030	-	28.606.281.030
Số dư cuối kỳ trước	<u>178.746.450.000</u>	<u>(127.500.000)</u>	<u>8.416.238.169</u>	<u>28.678.353.030</u>	<u>-</u>	<u>215.713.542.117</u>
Số dư đầu năm nay	178.746.450.000	(127.500.000)	8.416.238.169	28.678.353.948	-	215.713.542.117
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142.998.800.000	-	-	-	8.741.000.000	151.739.800.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(73.600.000)	-	-	-	(73.600.000)
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	-	31.057.181.844	372.214.605	31.429.396.449
Số dư cuối kỳ này	<u>321.745.250.000</u>	<u>(201.100.000)</u>	<u>8.416.238.169</u>	<u>59.735.535.792</u>	<u>9.113.214.605</u>	<u>398.809.138.566</u>

16b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.174.525	17.874.645
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	32.174.525	17.874.645
- Cổ phiếu phổ thông	32.174.525	17.874.645
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.174.525	17.874.645
- Cổ phiếu phổ thông	32.174.525	17.874.645

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	187.917.697.544	47.567.505.063
Doanh thu bán thành phẩm	517.282.514.140	583.465.024.157
Cộng	<u>705.200.211.684</u>	<u>631.032.529.220</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	180.268.502.330	188.200.364.565
Giá vốn của thành phẩm đã bán	319.521.328.404	208.199.028.076
Cộng	<u>499.789.830.734</u>	<u>396.399.392.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	37.249.983	99.437.763
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.714.246.351	5.164.756.257
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.512.741.594	-
Cộng	6.264.237.928	5.264.194.020

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	11.982.751.340	14.976.860.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.472.000.080	2.132.021.450
Cộng	14.454.751.420	17.108.881.766

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.980.165.628	5.871.199.730
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.403.489.278	1.939.201.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.393.175	130.697.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.579.608.875	176.686.055.417
Các chi phí khác	1.495.261.235	2.056.361.187
Cộng	144.666.918.191	186.683.516.190

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.944.993.951	3.871.928.148
Chi phí vật liệu quản lý	5.160.048	46.879.515
Chi phí đồ dùng văn phòng	393.458.691	135.805.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.121.064.414	1.096.419.212
Thuế, phí và lệ phí	1.300.590.325	1.722.659.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.115.968.792	1.834.088.624
Các chi phí khác	946.847.962	1.350.437.217
Cộng	11.828.084.183	10.058.217.548

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.057.181.844	18.623.678.155
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.057.181.844	18.623.678.155
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	24.912.536	14.299.880
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.247	1.302

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm tiền thù lao phải trả HĐQT, BKS, số tiền 30.000.000 VND (Số đầu năm là 0 VND).

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Petronova	Công ty con
Công ty Cổ phần YBT	Công ty con
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Marble Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco – Fansipan	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN YBM

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4 và V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCo₃.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Lan Anh

Đào Minh Hải

Hoàng Anh Quân